

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT ĐỀ 1

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phân số nào dưới đây là phân số thập phân:

- A. $\frac{100}{57}$ B. $\frac{65}{100}$ C. $\frac{15}{20}$ D. $\frac{30}{55}$

Phương pháp

Phân số thập phân có mẫu số là 10, 100, 1 000, ...

Lời giải

Phân số thập phân là $\frac{65}{100}$

Đáp án: B

Câu 2. Số lớn nhất trong các số 58,011 ; 58,101 ; 58,010 ; 58,1 là:

- A. 58,011 B. 58,101 C. 58,010 D. 58,1

Phương pháp

So sánh các số đã cho để xác định số lớn nhất.

Lời giải

Ta có $58,101 > 58,1 > 58,011 > 58,010$

Vậy số lớn nhất trong các số đã cho là 58,101

Đáp án: B

Câu 3. Lớp 4A có 45 bạn học sinh, trong đó có 28 bạn nữ. Vậy tỉ số giữa số bạn nam và số bạn nữ của lớp 4A là:

- A. $\frac{28}{45}$ B. $\frac{28}{17}$ C. $\frac{17}{28}$ D. $\frac{17}{45}$

Phương pháp

Tỉ số của a và b được viết là a : b hay $\frac{a}{b}$

Lời giải

Số bạn nam là $45 - 28 = 17$ (bạn)

Vậy tỉ số giữa số bạn nam và số bạn nữ của lớp 4A là: $\frac{17}{28}$

Đáp án: C

Câu 4. Làm tròn số 0,158 đến hàng phần mười ta được:

- A. 0,17 B. 0,159 C. 0,16 D. 0,2

Phương pháp

Khi làm tròn số thập phân đến hàng phần mười, ta so sánh chữ số ở hàng phần trăm với 5. Nếu chữ số hàng phần trăm bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

Lời giải

Làm tròn số 0,158 đến hàng phần mười ta được số 0,2 (vì chữ số ở hàng phần trăm là 5, làm tròn lên)

Đáp án: D

Câu 5. Chị Hoa pha được 1 500 ml nước chanh. Chị rót đều lượng nước chanh này vào 6 cốc. Hỏi nếu pha 3 l nước chanh thì chị Hoa rót được vào bao nhiêu cốc như thế?

- A. 8 cốc B. 9 cốc C. 12 cốc D. 14 cốc

Phương pháp

Đổi: 3 l sang đơn vị ml

Giải bài toán theo phương pháp tìm tỉ số hoặc rút về đơn vị

Lời giải

Đổi: 3 l = 3 000 ml

3 000 ml gấp 1 500 ml số lần là:

$$3\ 000 : 1\ 500 = 2 \text{ (lần)}$$

Nếu pha 3 l nước chanh thì chị Hoa rót được số cốc nước chanh là:

$$6 \times 2 = 12 \text{ (cốc)}$$

Đáp án: C

Câu 6. Một nhà máy có diện tích là 1 ha 200 m². Biết nhà máy chia thành hai phân xưởng. Diện tích của phân xưởng A bằng $\frac{3}{7}$ diện tích của phân xưởng B. Vậy diện tích của phân xưởng B là:

- A. 7 140 m² B. 3 060 m² C. 3 600 m² D. 8 400 m²

Phương pháp

Đổi: 1 ha 200 m² sang đơn vị mét vuông

Tìm tổng số phần bằng nhau và giá trị 1 phần

Diện tích phân xưởng B = giá trị 1 phần x số phần diện tích phân xưởng B

Lời giải

Đổi: 1 ha 200 m² = 10 200 m²

Tổng số phần bằng nhau là 3 + 7 = 10 (phần)

Giá trị của 1 phần là: 10 200 : 10 = 1 020

Diện tích của phân xưởng B là: 1 020 x 7 = 7 140 (m²)

Đáp án: A

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Chuyển các hỗn số sau thành phân số rồi thực hiện phép tính:

$$1\frac{3}{8} + 2\frac{1}{4} = \dots\dots\dots$$

$$5\frac{3}{4} - 2\frac{5}{6} = \dots\dots\dots$$

$$1\frac{4}{5} \times 2\frac{7}{9} = \dots\dots\dots$$

$$6\frac{1}{2} : 4\frac{7}{8} = \dots\dots\dots$$

Phương pháp

Chuyển các hỗn số về phân số rồi thực hiện theo quy tắc đã học.

Lời giải

$$1\frac{3}{8} + 2\frac{1}{4} = \frac{11}{8} + \frac{9}{4} = \frac{11}{8} + \frac{18}{8} = \frac{29}{8}$$

$$5\frac{3}{4} - 2\frac{5}{6} = \frac{23}{4} - \frac{17}{6} = \frac{69}{12} - \frac{34}{12} = \frac{35}{12}$$

$$1\frac{4}{5} \times 2\frac{7}{9} = \frac{9}{5} \times \frac{25}{9} = 5$$

$$6\frac{1}{2} : 4\frac{7}{8} = \frac{13}{2} : \frac{39}{8} = \frac{13}{2} \times \frac{8}{39} = \frac{4}{3}$$

Câu 2. Viết phân số thành phân số thập phân rồi chuyển thành số thập phân.

$$\frac{17}{20} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{126}{600} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{69}{125} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{263}{500} = \dots\dots\dots$$

Phương pháp

- Nhân (hoặc chia) cả tử số và mẫu số với cùng một số tự nhiên khác 0 để được phân số có mẫu là

10, 100, 1 000, ...

- Chuyển về số thập phân

Lời giải

$$\frac{17}{20} = \frac{17 \times 5}{20 \times 5} = \frac{85}{100} = 0,85 \dots$$

$$\frac{126}{600} = \frac{126 : 6}{600 : 6} = \frac{21}{100} = 0,21$$

$$\frac{69}{125} = \frac{69 \times 8}{125 \times 8} = \frac{552}{1000} = 0,552$$

$$\frac{263}{500} = \frac{263 \times 2}{500 \times 2} = \frac{526}{1000} = 0,526$$

Câu 3. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 5km 63m = km

b) 18 m² 35 dm² = m²

c) 219 000 m² = ha

d) 36 ha = km²

Phương pháp

$$\text{Áp dụng cách đổi: } 1\text{ m} = \frac{1}{1000}\text{ km}; 1\text{ dm}^2 = \frac{1}{100}\text{ m}^2$$

$$1\text{ m}^2 = \frac{1}{10000}\text{ ha}; 1\text{ ha} = \frac{1}{100}\text{ km}^2$$

Lời giải

a) $5\text{ km } 63\text{ m} = \mathbf{5,063}\text{ km}$

b) $18\text{ m}^2\ 35\text{ dm}^2 = \mathbf{18,35}\text{ m}^2$

c) $219\ 000\text{ m}^2 = \mathbf{21,9}\text{ ha}$

d) $36\text{ ha} = \mathbf{0,36}\text{ km}^2$

Câu 4. Trong một khu vườn có số cây xoài bằng $\frac{8}{5}$ số cây nhãn. Biết rằng số cây xoài nhiều hơn số cây nhãn là 36 cây. Hỏi khu vườn đó có bao nhiêu cây xoài, bao nhiêu cây nhãn.

Phương pháp

- Vẽ sơ đồ
- Tìm hiệu số phần bằng nhau và giá trị 1 phần
- Tìm số cây xoài = Giá trị 1 phần x số phần của cây xoài
- Tìm số cây nhãn = số cây xoài – 36 cây

Lời giải

Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau là:

$$8 - 5 = 3 \text{ (phần)}$$

Giá trị của 1 phần là:

$$36 : 3 = 12$$

Số cây xoài là:

$$12 \times 8 = 96 \text{ (cây)}$$

Số cây nhãn là:

$$96 - 36 = 60 \text{ (cây)}$$

Đáp số: Cây xoài: 96 cây

Cây nhãn: 60 cây